TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1486/2019/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 12 năm 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 149, Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 396 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 5, 6 và 7 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 1976/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:*

- **Bà Võ Thị Bích L**, sinh năm 1972.

Thường trú: Số 83, tổ 11, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Ông Trần Công H**, sinh năm 1969

Thường trú: Số 83, tổ 11, khu phố 3, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích L và ông Trần Công H chung sống với nhau từ năm 1992, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 09 ngày 08 tháng 7 năm 1992, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Căn cứ các Điều 5, 6 và 7 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà L và ông H xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố B công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà L và ông H có 03 người con chung tên Trần Thị Lan P, sinh ngày 08/4/1993, Trần Thị Phương L, sinh ngày 16/01/2001 và Trần Võ Gia T, sinh ngày 10/9/2008. Ly hôn, bà L và ông H thống nhất giao cháu T cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị P và chị L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà L và ông H mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000403 ngày 04 tháng 9 năm 2019. Bà L và ông H đã nộp đủ tiền lệ phí.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Bích L và ông Trần Công H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà L và ông H có 03 người con chung tên Trần Thị Lan P, sinh ngày 08/4/1993, Trần Thị Phương L, sinh ngày 16/01/2001 và Trần Võ Gia T, sinh ngày 10/9/2008. Ly hôn, giao cháu T cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị P và chị L đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông H được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà L và ông H mỗi người chịu 150.000đ tiền lệ phí hôn nhân và gia đình, được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0000403 ngày 04 tháng 9 năm 2019. Bà L và ông H đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- THA DS TP. B;
- UBND xã D, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng Phương